

Số: /2023/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

Ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Cách 1

1. Thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đã công bố hợp quy hoặc đã được đánh giá sự phù hợp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành ***thì không phải thực hiện lại công bố hợp quy hoặc đánh giá lại sự phù hợp theo*** đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT.

Cách 2

1. Thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đã công bố hợp quy hoặc đã được đánh giá sự phù hợp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành ***thì được thừa nhận kết quả cho*** đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT.

2. Nhân sản phẩm thức ăn chăn nuôi cho đối tượng gia súc, gia cầm non quy định tại QCVN 01-183:2016/BNNPTNT được sử dụng cho đối tượng gia súc, gia cầm non tương ứng quy định tại Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đến hết ngày 31/12/2024.

3. Tổ chức đã được chỉ định chứng nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi theo QCVN 01-183:2016/BNNPTNT được thực hiện chứng nhận theo Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT đến khi hết hiệu lực của quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Chăn nuôi; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; website Chính phủ; website Bộ NN&PTNT;
- Bộ NN & PTNT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCN, PC, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
THỨC ĂN CHĂN NUÔI - QUY ĐỊNH GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO
PHÉP HÀM LƯỢNG ĐỘC TỐ NẤM MỐC, KIM LOẠI NẶNG
VÀ VI SINH VẬT TRONG THỨC ĂN HỖN HỢP CHO GIA
SÚC, GIA CẦM**

National technical regulation

*Animal feed - Maximum level of mycotoxins, heavy metals and microorganisms in
compound feeds for livestock*

HÀ NỘI - 2023

Lời nói đầu

Sửa đổi 1:2023 QCVN 01-183:2016/BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 01-183:2016/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn; Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2023.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI - QUY ĐỊNH GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP HÀM LƯỢNG ĐỘC TỐ NẤM MỐC, KIM LOẠI NẶNG VÀ VI SINH VẬT TRONG THỨC ĂN HỖN HỢP CHO GIA SÚC, GIA CẦM

National technical regulation

Animal feed - Maximum level of mycotoxins, heavy metals and microorganisms in compound feeds for livestock

1. Sửa đổi “TCVN 4325: 2007 (ISO 6497:2002). Thức ăn chăn nuôi - Lấy mẫu” thành “TCVN 13052: 2021. Thức ăn chăn nuôi - Lấy mẫu” tại Mục 1.3. Tài liệu viện dẫn.

2. Sửa đổi, bổ sung Mục 1.4.1 như sau:

“1.4.1. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là hỗn hợp của các nguyên liệu thức ăn được phối chế, có đủ chất dinh dưỡng để duy trì hoạt động sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất mà không cần thêm thức ăn khác ngoài nước uống”

3. Sửa đổi, bổ sung Mục 1.4.5 như sau:

“1.4.5. Gia súc, gia cầm non bao gồm các đối tượng sau đây:

a) Lợn con có khối lượng đến 25 kg hoặc từ sơ sinh đến 60 ngày tuổi;

b) Gà, vịt, ngan, chim cút từ 01 đến 21 ngày tuổi;

c) Bê, nghé từ sơ sinh đến 06 tháng tuổi”.

4. Sửa đổi, bổ sung Mục 2.4.1 như sau:

“2.4.1. Lấy mẫu

Theo TCVN 13052: 2021 hoặc phương pháp khác tương đương.”

5. Sửa đổi, bổ sung Mục 3 như sau:

“3. Quy định về quản lý

3.1. Công bố hợp quy

Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho lợn, gà, chim cút, vịt, ngan; thức ăn tinh hỗn hợp cho bê và bò thịt của các tổ chức, cá nhân quy định tại mục 1.2 phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn này.

Trước khi lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi quy định tại mục 1.2 của Quy chuẩn này phải làm thủ tục công bố hợp quy theo quy định (trừ thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng).

3.2. Phương thức đánh giá hợp quy

Đánh giá theo phương thức 5 hoặc phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và

Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN).

Trường hợp cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất đối với phương thức 5.

3.3. Biện pháp đánh giá sự phù hợp, trình tự, thủ tục công bố hợp quy đối với sản phẩm sản xuất trong nước

3.3.1. Biện pháp đánh giá sự phù hợp: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn 01 trong 03 biện pháp sau đây:

a) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân;

b) Kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận

b) Kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật.

3.3.2. Trình tự, thủ tục công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ của địa phương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh, gia công.

3.4. Biện pháp đánh giá sự phù hợp, trình tự, thủ tục công bố hợp quy đối với sản phẩm nhập khẩu

Trình tự, thủ tục công bố hợp quy đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu thực hiện theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa; pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; pháp luật về quản lý thức ăn chăn nuôi.

3.5. Dấu hợp quy

Sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã công bố hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường phải có dấu hợp quy. Dấu hợp quy được thể hiện trên nhãn hoặc bao bì của sản phẩm hoặc trong tài liệu kỹ thuật kèm theo lô sản phẩm. Tài liệu kỹ thuật bao gồm các thông tin: tên cơ sở sản xuất, địa chỉ sản xuất, tên sản phẩm, số tiêu chuẩn công bố áp dụng.

3.6. Lấy mẫu sản phẩm đánh giá sự phù hợp

3.6.1. Mỗi sản phẩm công bố hợp quy phải được lấy mẫu thử nghiệm để đánh giá sự phù hợp đối với tất cả các chỉ tiêu quy định tại Quy chuẩn này.

3.6.2. Mỗi sản phẩm sản xuất trong nước đã công bố hợp quy theo phương thức 5 phải được lấy mẫu để đánh giá giám sát với tần suất không quá 12 tháng/1 lần và thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này với tần suất ít nhất 03 năm/lần/chỉ tiêu.

3.6.3. Người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi để đánh giá hợp quy (**của tổ chức chứng nhận hợp quy**) phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng chỉ lấy mẫu thức ăn chăn nuôi”.

6. Thay thế cụm từ “Salmonella” bằng cụm từ “Salmonella spp.” tại Bảng 3.